TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NL** **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST Ngày: 19/02/2025 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn**.**	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành.

Ông Phạm Đức Hoàn.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh TH tham gia phiên toà: Ông Lê Anh Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2024/QĐXXST-DS ngày 31/12/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 07/2025/QĐST-DS ngày 20/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Việt T, sinh năm 1958. (Xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Cao Thị V, sinh năm 1983. (Vắng mặt lần thứ hai).

Cùng địa chỉ: Thôn Z, xã NL, huyện NL, tỉnh TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm Việt T trình bày: Ông và chị Cao Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2001, nhưng mãi đến ngày 26/11/2004, ông và chị V mới đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HT, huyện KS, tỉnh NB. Việc kết hôn giữa hai người là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chênh lệch về tuổi tác, nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ cuối năm 2014 đến nay và vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn chị Cao Thị V theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông và chị Cao Thị V có hai con chung là Phạm Việt Khánh N, sinh ngày 28/01/2003 và Phạm Việt T, sinh ngày 01/3/2008. Cháu N đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường, tự lao động nuôi được bản thân, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con. Đối với cháu T, ông đề nghị Tòa án giải quyết giao cho ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Ông tự nguyện không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Cao Thị V có mặt theo địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện, khi Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho chị V, thì không gặp được chị V, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn C là em trai và sống chung nhà với chị V. Anh C trình bày: Anh là người nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo nội dung văn bản liên quan đến việc ông T khởi kiện ly hôn cho chị V biết, nhưng do chị V phải đi làm ăn xa, nên không thể về để giải quyết việc ly hôn với ông T được. Chị V có nhờ anh trao đổi lại với Tòa án là chị đồng ý ly hôn, giao nuôi con và cấp dưỡng như ông T yêu cầu. Về tài sản chị V không yêu cầu giải quyết. Tòa án xét thấy chị V vắng mặt thuộc trường hợp từ chối khai báo, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), chị V không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị V triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên toà nhưng vắng mặt, đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định pháp luật. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện phù hợp với pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho ông Phạm Việt T được ly hôn chị Cao Thị V. Giao cháu Phạm Việt T, sinh ngày 01/3/2008 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu N đã trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường, nên không xem xét giải quyết việc giao nuôi con. Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Phạm Việt T khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Cao Thị V, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh TH theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị V không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị V theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Chị V đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhưng chị V không đến để tham gia hoà giải, Toà án không T hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Ông Phạm Việt T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt ông T, chị V.

[2] Về hôn nhân: Ông Phạm Việt T và chị Cao Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và không vi phạm điều cấm Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Chị V biết ông T làm đơn ly hôn và Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị V, để chị V được bày tỏ ý kiến và nguyện vọng của mình, nhưng chị V đều không có mặt, điều đó thể hiện chị V không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T, chị V đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông T được ly hôn chị V là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông Phạm Việt T và chị Cao Thị V có hai con chung là Phạm Việt Khánh N, sinh ngày 28/01/2003 và Phạm Việt T, sinh ngày 01/3/2008. Đối với cháu N đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường, tự lao động nuôi được bản thân, nên Tòa án không xem xét việc giao nuôi con đối với cháu N. Xét đề nghị của ông T đề nghị giao cháu T cho ông chăm sóc, nuôi dưỡng thấy rằng: Hiện tại cháu T đang ở với ông T. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu và cháu T có nguyện vọng được ở với bố, nên chấp nhận yêu cầu của ông T. Việc ông T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, nên chấp nhận.

[4] Về tài sản: Các đương sự không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 6 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

*** Về hôn nhân:** Anh Phạm Việt T được ly hôn chị Cao Thị V.

*** Về con chung:** Giao cháu Phạm Việt T, sinh ngày 01/3/2008 cho ông Phạm Việt T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự nguyện của Ông T về việc không yêu cầu chị Cao Thị V cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Phạm Việt Khánh N, sinh ngày 28/01/2003 đã trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường, nên không xem xét giải quyết việc giao nuôi con. Chị Cao Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, ngăn cấm.

*** Về án phí:** Ông Phạm Việt T thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản khoản 6 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về định về án phí và lệ phí Tòa án. Ông T đã được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt ông Phạm Việt T và chị Cao Thị V. Ông T và chị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện NL;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện NL;
- UBND xã HT, huyện KB, tỉnh NB;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Vinh